

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/DS-ST  
Ngày 01/9/2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Nhân

2. Bà Lý Thuý Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST- DS, ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Bùi H; sinh năm 1940

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

\* **Bị đơn:** Ông Nhữ H1; sinh năm 1966 và bà Ma C sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Bùi H trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết với vợ chồng Ông Nhữ H1 và bà Ma C nên ngày 05/8/2013 ông có cho ông H1 và bà C vay số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng), ông H1 và bà C là người trực tiếp viết giấy vay tiền cho ông và ông giao tiền cho ông H1 và bà C tại nhà ông H1, bà C. Khi vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất tiền vay là 1%/tháng, mục đích ông H1 và bà C vay tiền là để vỗ béo đàn lợn và hện thời

gian trả tiền sau sau khi bán đàn lợn. Tuy nhiên, sau khi ông H1 và bà C bán đàn lợn đã không trả tiền cho ông, nhiều lần ông đã liên hệ với ông H1, bà C đòi tiền nhưng ông H1, bà C chỉ trả được cho ông số tiền lãi 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và khát trả tiền nhiều lần mà không trả. Năm 2015 ông đã làm đơn đề nghị gửi đến cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang để giải quyết. Tại cơ quan Công an, ông H1 có hứa sẽ trả dần tiền cho ông và ông đã đồng ý để ông H1 trả dần tiền nhưng sau đó ông H1 và bà C vẫn không thực hiện đúng cam kết. Đến ngày 29/12/2020 ông H1 và bà C trả thêm cho ông số tiền lãi 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Tổng cộng số tiền lãi mà ông H1 và bà C đã trả cho ông là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), sau đó ông, Hiếu và bà C không trả tiền cho ông nữa. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện ông H1 và bà C đến Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H1 và bà C phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) và tính tiền lãi của khoản tiền này tính từ ngày 05/8/2013 cho đến ngày 05/02/2021 với mức lãi suất là 1%/tháng = 90 tháng x 540.000 đồng = 48.600.000 đồng, trừ đi 8.000.000 đồng ông H1, bà C đã trả, số tiền lãi còn lại là 40.600.000 đồng; tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 94.600.000 đồng (*Chín mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*); ông H1 phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 47.300.000 đồng (*Bốn bảy triệu ba trăm nghìn đồng*), bà C phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 47.300.000 đồng (*Bốn bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

**\* Bị đơn Ông Nhữ H1 trình bày:**

Hợp đồng vay tài sản giữa ông và ông Bùi H đã lâu, nhiều lần gia đình ông và ông H đã giải quyết thanh toán và đã được cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang giải quyết từ nhiều năm trước đây. Ông đề nghị Tòa án xem xét về điều kiện khởi kiện vụ án và áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**\* Bị đơn bà Ma C trình bày:**

Vào năm 2013 vợ chồng bà là Ma C và Nhữ H1 có đầu tư chăn nuôi lợn, do thiếu vốn nên có vay tiền của ông Bùi H với số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*), khi vay tiền vợ chồng bà có viết giấy vay tiền do ông H giữ. Hai bên thoả thuận lãi suất là 1.000đồng/1 triệu/1 ngày nhưng chỉ là thoả thuận miệng và không ghi vào giấy vay tiền. Sau đó do dịch bệnh nên chăn nuôi thua lỗ không có điều kiện trả tiền cho ông H. Vợ chồng bà có trả tiền lãi hàng tháng cho ông H nhưng không có giấy tờ gì. Khi vợ chồng bà không trả được tiền lãi nữa thì ông H kiện ông bà đến cơ quan Công an, ông H1 (chồng bà) cũng đã đến cơ quan Công an làm việc và vẫn nhận nợ nhưng do khó khăn nên chưa trả được tiền cho ông H. Bà khẳng định vợ chồng bà có vay tiền của ông H nhưng do khó khăn chưa trả được chứ vợ chồng bà không trốn tránh. Từ ngày vay tiền của ông H, vợ chồng bà đã trả tiền cho ông H được số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), ngày trả tiền cuối cùng là ngày 29/12/2020. Bà C trình bày bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bà bận phải đi làm ăn nên bà xin được vắng mặt tại các phiên họp, hoà giải và phiên toà trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H1 và bà C đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được

nhận văn bản tố tụng hợp lệ. Vì vậy, Tòa án đã thu thập chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Bùi H) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn (Ông Nhữ H1 và bà Ma Thị Cúc) về việc yêu cầu Ông Nhữ H1 và bà Ma C có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 05/8/2013 cho đến ngày 05/8/2021, với mức lãi suất là 1%/tháng = 96 tháng x 540.000 đồng/tháng = 51.840.000 đồng, trừ đi số tiền 8.000.000 đồng ông H1, bà C đã trả; số tiền lãi còn lại là 43.840.000 đồng; tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 97.840.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*); ông H1 phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), bà C phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ông Nhữ H1 và bà Ma C đã nhiều lần được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi H về việc yêu cầu Ông Nhữ H1 và bà Ma C có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) và số tiền lãi là 43.840.000 đồng; tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 97.840.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*); chia theo phần, ông H1 phải trả cho ông H  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), bà C phải trả cho ông H  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.*

- Về án phí: Ông Nhữ H1 và bà Ma C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Ông Bùi H không phải chịu án phí của vụ án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

### [1] Về tố tụng:

Ngày 05/8/2013 Ông Nhữ H1 và bà Ma C viết giấy vay tiền của ông Bùi H với số tiền 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*); mục đích vay tiền là để vỗ béo đàn lợn và thời hạn trả tiền là sau khi bán đàn lợn; lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Sau khi ông H1, bà C bán đàn lợn, ông H đã đòi tiền ông H1 và bà C nhưng không được nên ông H gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án.

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Ông Nhữ H1 có đơn đề nghị áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, giấy vay tiền ngày 05/8/2013 các bên thỏa thuận về thời hạn trả tiền là sau khi bán đàn lợn sẽ thanh toán đầy đủ (không ghi cụ thể ngày trả tiền), sau đó bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn 02 lần (tổng số tiền 7.000.000 đồng) nhưng cũng không xác định được chính xác ngày tháng trả tiền, đến ngày 29/12/2020 bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (bà Ma C) trình bày: Vợ chồng bà (bà C và Ông Nhữ H1) có vay số tiền gốc như ông Bùi H khởi kiện nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà chưa trả tiền cho ông H được. Như vậy, theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án vẫn còn.

Theo nội dung tại giấy vay tiền thể hiện, giữa ông Bùi H và Ông Nhữ H1, bà Ma C đã thỏa thuận cho nhau vay tài sản là tiền và thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả tiền. Như vậy, Giấy vay tiền này là hợp đồng vay tài sản theo Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Do đó tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong vụ án này, các bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà C đều có ý kiến là không đến Tòa án làm việc, bà C xin vắng mặt tại các phiên họp, hoà giải và phiên tòa; ông H1 nhiều lần có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đang ở vùng dịch không về được, nhưng xét thấy thực tế từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập ông H1 nhiều lần nhưng ông H1 cố tình vắng mặt mặc dù tại thời điểm thụ lý vụ án ông H1 có mặt ở địa phương và đã trực tiếp ký nhận văn bản của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Ông Bùi H khởi kiện yêu cầu Ông Nhữ H1 và bà Ma C có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 05/8/2013 cho đến ngày 05/8/2021 với mức lãi suất là 1%/tháng = 96 tháng x 540.000 đồng = 51.840.000 đồng (*Năm một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*), trừ đi số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) ông H1, bà C đã trả, số tiền lãi còn lại là 43.840.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*); tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 97.840.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*); ông H1 phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), bà C phải trả cho ông  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

HDXX thấy, theo giấy vay tiền ghi ngày 05/8/2013, người viết giấy và ký nhận là Ông Nhữ H1 và bà Ma C. Ông H1 và bà C cũng đã trình bày ông bà xác định có vay số tiền gốc 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) của ông Bùi H, đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án này vì các bên đã đều thừa nhận. Tuy nhiên, bà C cho rằng: Bà và ông H1 cũng đã nhiều lần trả tiền lãi cho ông H với mức lãi suất 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng là thoả thuận bằng miệng, không có giấy tờ, tài liệu gì. Hiện nay bà và ông H1 khó khăn về kinh tế không thể trả một lúc khoản tiền này và vợ chồng bà vẫn xác nhận có nợ khoản tiền này của ông H chứ không trốn tránh. Như vậy, việc ông H1 và bà C vay tiền của ông H là đúng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi H.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Trong giấy vay tiền ngày 05/8/2013 các bên có thoả thuận và ghi về tiền lãi suất là 1%/tháng. Mức lãi suất này không vi phạm Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, nên ông H có quyền yêu cầu ông H1 và bà C phải trả tiền lãi theo thoả thuận là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể: Tiền lãi tính từ ngày 05/8/2013 cho đến ngày 05/8/2021 là 96 tháng; mức lãi suất là 1%/tháng = 51.840.000 đồng; trừ đi số tiền lãi 8.000.000 đồng ông H1, bà C đã trả cho ông H; số tiền lãi còn lại là 43.840.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 97.840.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Chia theo phần, ông H1 phải trả cho ông H  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*); bà C phải trả cho ông H  $\frac{1}{2}$  số tiền này là 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trường hợp ông H1 và bà C chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Ông Nhữ H1 và bà Ma C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận.

Ông Bùi H không phải chịu án phí của vụ án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 26; các Điều 35; Điều 39; 147; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 471; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357; 468; 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi H.**

- Buộc Ông Nhữ H1 và bà Ma C có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi H số tiền gốc là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) và tiền lãi 43.840.000 đồng (*Bốn ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tổng cộng là 97.840.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Chia theo phần, ông H1 phải trả cho ông H số tiền 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*); bà C phải trả cho ông H số tiền 48.920.000 đồng (*Bốn tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3. Về án phí:** Ông Nhữ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.446.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn sáu nghìn đồng*);

Bà Ma C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.446.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn sáu nghìn đồng*);

Ông Bùi H không phải chịu án phí của vụ án.

**4. Về quyền kháng cáo:** Ông Bùi H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nhữ H1 và bà Ma C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**5. Bản án; Quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQuang (2 bản);
- THADS thành phố TQuang;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hương Giang**